TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NAM** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2023/HNGĐ-ST
Ngày 25 – 7 – 2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hoài Mơ; ông Nguyễn Văn Chấn.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lưu Thị Trưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lệ Tỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 172/2023/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau vào năm 2005, trước khi cưới có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Cưới xong vợ chồng về sống với nhau tại thôn H, xã C, huyện Lục Nam. Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2014 thì phát sinh mâu Tẫn, nguyên nhân mâu Tẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong việc làm ăn phát triển kinh tế nên cuộc sống không vui vẻ, không hạnh phúc. Anh T bỏ đi làm ăn nay đây mai đó, thỉnh thoảng mới về nhà, không quan tâm gì đến vợ con. Chị và gia đình đã khuyên bảo

nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Nay chị thấy thời gian vợ chồng không sống cùng nhau đã lâu, mâu Tẫn đã trầm trọng, yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 12/9/2006 và Nguyễn Thị Hồng H1, sinh ngày 13/4/2011. Hiện nay cả hai con đang ở cùng mẹ, khỏe mạnh và phát triển bình thường. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung: Chị và anh Nguyễn Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị H vào năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Lục Nam. Cưới xong vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn H, xã C. Trong cuộc sống vợ chồng thi thoảng có xảy ra mâu Tẫn, bất đồng vì vợ chồng không hiểu nhau. Vì buồn chán chuyện vợ chồng xung khắc nên anh thường đi làm ăn xa nhà, thỉnh thoảng mới về, vợ chồng đã sống ly thân, không quan hệ tình cảm gì với nhau đã nhiều năm nay (khoảng từ năm 2016-2017 đến nay). Nay anh muốn chị H suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ, nhưng nếu chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 12/9/2006 và Nguyễn Thị Hồng H1, sinh ngày 13/4/2011. Hiện nay cả hai con đang ở cùng mẹ, khỏe mạnh và phát triển bình thường. Do anh đang bận đi làm ăn xa nhà, nên anh nhất trí để hai con cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung: Anh và chị Nguyễn Thị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai, cháu Nguyễn Thị Hồng H và cháu Nguyễn Thị Hồng H1 đều khai như sau:

Các cháu là con của mẹ Nguyễn Thị H và bố Nguyễn Văn T. Hiện nay các cháu đang với mẹ, khoẻ mạnh, phát triển bình thường. Bố mẹ các cháu không ở cùng nhau đã lâu, nguyên nhân vì sao thì các cháu không được rõ. Nay mẹ các cháu có đơn xin ly hôn thì các cháu đề nghị quý Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật. Trường hợp bố mẹ các cháu ly hôn thì các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ Nguyễn Thị H. Lý do vì các cháu đã ở với mẹ từ nhỏ, hiện nay chỉ có mẹ chăm sóc, nuôi dậy chị em cháu hàng ngày, ở với mẹ các cháu được đi học và cuộc sống đảm bảo hơn.

Tại phiên toà hôm nay, chị H và anh T đều vắng mặt nhưng đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 12/9/2006 và Nguyễn Thị Hồng H1, sinh ngày 13/4/2011 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Nguyễn Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị H là người có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" với anh Nguyễn Văn T. Bị đơn anh Nguyễn Văn T là người có địa chỉ cư trú tại thôn H, xã C, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau vào năm 2005 trên tinh thần tự nguyện, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (Giấy chứng nhận kết hôn số 92 do UBND xã C cấp ngày 07/10/2005). Do vậy xác định quan hệ giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về mâu Tẫn vợ chồng:

Căn cứ lời khai của các bên đương sự và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Trong quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng từ những năm từ 2014 đến 2016, nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp trong việc làm ăn, phát triển kinh tế và đời sống tình cảm. Từ đầu năm 2017 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc, không quan hệ tình cảm với nhau. Lời khai của hai bên đều thừa nhận vấn đề này. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T là có thật, mâu thuẫn này đã kéo dài nhiều năm nay. Toà án đã mở phiên hoà giải nhiều lần, phía anh T

mong muốn chị H suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn.

Qua đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc vợ chồng chị H – anh T không sống chung với nhau từ năm 2017 đến nay đã vi phạm quy định Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy cần căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T là phù hợp quy định của pháp luật.

[2.3] Về con chung:

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T có hai con chung là Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 12/9/2006 và Nguyễn Thị Hồng H1, sinh ngày 13/4/2011. Hiện nay các con ở cùng mẹ, đều khoẻ mạnh, phát triển bình thường. Nay chị H và anh T đã thoả thuận để chị H là người trực tiếp nuôi cả hai con, mặt khác lời khai của hai con đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy cần giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp nguyện vọng của các con cũng như phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, công nợ chung: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 9, 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 12/9/2006 và Nguyễn Thị Hồng H1, sinh ngày 13/4/2011 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh Nguyễn Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai T số 0014531 ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- UBND xã C, H.Lục Nam, BG;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thái Sơn